| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 127/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

2. Ông Huỳnh Thanh Tuấn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Diệu Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:*** Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108//2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1984. *(có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm: 1977. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn Bà Trần Thị T trình bày: bà và Ông H kết hôn năm 2011 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Khi về chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn, cự cãi. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay yêu cầu ly hôn với Ông H. Do điều kiện đi lại khó khăn, ngày 08/6/2018 bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung là Lê Thành Đ, sinh ngày: 09/6/2012. Hiện đang sống chung với bà T, sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: bà T trình bày không có tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: Bà T trình bày không có nợ chung.

Bị đơn Ông Lê Văn H đã được tống đạt đầy đủ thông báo thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật nhưng Ông H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tống đạt hợp lệ cho Ông H nên tại phiên tòa hôm nay tiến hành xét xử vắng mặt Ông H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với Ông Lê Văn H. Ông H có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 08/6/2018 bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Lê Văn H tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T, Ông H.

- Về nội dung:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và Ông H là hợp pháp vì ông bà chung sống với nhau có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án Ông H không gửi cho Tòa án ý kiến cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Ông H đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy bà T và Ông H không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay, mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị T, bà T được ly hôn với Ông Lê Văn H.

[4] Về quan hệ con chung: bà T và Ông H có 01 con chung là Lê Thành Đ, sinh ngày: 09/6/2012. Hiện đang sống chung với bà T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Ông H về việc nuôi con chung. Xét thấy, trong thời gian sống chung với bà T, cháu Đ đã được chăm sóc tốt và đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt, ăn ở. Để tạo điều kiện thuận lợi cho cháu Đ học tập và phát triển nên giao cháu Đ cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện sinh hoạt, đi lại, học tập của cháu Đ. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu Ông H cấp dưỡng và không ghi nhận được ý kiến của Ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Trần Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Ông Lê Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về quan hệ tài sản chung: ghi nhận Bà Trần Thị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về quan hệ nợ chung: ghi nhận Bà Trần Thị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì thực hiện đúng quy định theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị Tú có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hiền đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hau nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Yêu cầu xin lý hôn của chị Tú là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: xét thấy cháu Đ đang được chị Tú chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển tốt. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên để chị Tú tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Hiền không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với Ông Lê Văn H.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị T được tiếp tục nuôi con chung Lê Thành Đ, sinh ngày: 09/6/2012, Ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Ông Lê Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: ghi nhận Bà Trần Thị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: ghi nhận Bà Trần Thị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0019082 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị T, Ông Lê Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Thanh**